

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phân bổ và giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2026  
từ nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2)**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; được sửa đổi tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Kết luận số 408-KL/TU ngày 15/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án phân bổ, sử dụng nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2);*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 7197/TTr-STC ngày 18/6/2026 về việc phân bổ, sử dụng nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2).*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân bổ và giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2026 từ nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2), như sau:

1. Tổng nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2): 1.229,989 tỷ đồng.

2. Tổng kinh phí phân bổ, sử dụng: 1.229,989 tỷ đồng, cụ thể:

a) Bổ sung dự phòng ngân sách tỉnh trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật NSNN năm 2025: 200 tỷ đồng.

b) Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và giao kế hoạch vốn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền: 666,989 tỷ đồng, bao gồm:

- Hỗ trợ đầu tư dự án Doanh trại Công an tỉnh và chuẩn bị đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã theo Đề án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”: 368 tỷ đồng.

- Đầu tư vốn nhà nước thành lập các công ty cổ phần thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 115,5 tỷ đồng.

- Giao kế hoạch vốn hoàn thành các dự án chuyển tiếp đầu tư từ nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh; hỗ trợ vốn đối ứng ngân sách cấp huyện (cũ) để các địa phương hoàn thành dự án tỉnh cam kết đầu tư: 183,489 tỷ đồng.

c) Giao kế hoạch vốn đầu tư mở rộng các bãi chôn lấp rác thải rắn sinh hoạt; các công trình, dự án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục trên địa bàn các xã, phường: 363 tỷ đồng, bao gồm:

- Đầu tư, mở rộng các bãi chôn lấp rác thải rắn sinh hoạt: 41 tỷ đồng.

- Hỗ trợ đầu tư công trình phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục: 322 tỷ đồng.

*(Chi tiết có các phụ lục kèm theo).*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XI thực hiện các thủ tục nghiệp vụ hạch toán chuyển nguồn, bổ sung nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh; thực hiện thông báo, nhập dự toán trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án được

phân bổ chi tiết tại Điều 1 Quyết định này cho các đơn vị, địa phương và chủ đầu tư triển khai thực hiện.

b) Căn cứ tiến độ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư và báo cáo đề xuất của các chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án, báo cáo UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn cho từng công trình, dự án, nhiệm vụ cấp tỉnh quản lý khi đảm bảo các điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

c) Theo dõi tiến độ thực hiện của các chương trình, dự án, nhiệm vụ đã được giao dự toán, kế hoạch vốn từ nguồn dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh; kịp thời tham mưu, điều chuyển vốn, kinh phí của các chương trình, nhiệm vụ, dự án không có khả năng giải ngân hết vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án khác có nhu cầu và tỷ lệ giải ngân vốn cao theo quy định.

2. Chủ tịch UBND các xã, phường; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; chủ đầu tư các chương trình, nhiệm vụ, dự án căn cứ mức vốn được giao tại Điều 1 Quyết định này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; quản lý, sử dụng kế hoạch vốn được giao đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng chế độ hiện hành, trong đó:

a) Đối với các dự án đầu tư cấp tỉnh: Các chủ đầu tư khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện dự án ngay sau khi được giao kế hoạch vốn; chủ động rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền cắt giảm, điều chỉnh vốn của các dự án không có khả năng giải ngân, chậm giải ngân; định kỳ ngày 13 hằng tháng và hằng quý báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân của các dự án sử dụng nguồn dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo.

b) Đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, giao UBND các xã, phường:

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan; bố trí đủ vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác đối với phần vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư để hoàn thành dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, không gây phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, hạn chế đầu tư dở dang, không gây thất thoát, lãng phí đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của nhiệm vụ, danh mục, mức vốn phân bổ, tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân, đảm bảo việc quản lý, sử dụng vốn đúng quy định của pháp luật, hiệu quả, tránh dàn trải, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực.

- Định kỳ hằng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân số vốn bổ sung nêu trên về Sở Tài chính theo quy định.

c) Đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án chưa đủ điều kiện giao chi tiết kế hoạch vốn: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án khẩn trương phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ hồ sơ, thủ tục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề xuất giao chi tiết kế hoạch vốn gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực XI kiểm soát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư dự án, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, thủ tục đầu tư theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã, phường; Chủ đầu tư chương trình, dự án; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (TĐN63564).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoài Anh**

**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP NGUỒN DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NGÂN SÁCH**  
**CẤP TỈNH NĂM 2025 (đợt 2)**

(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2026 của UBND tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                     | SỐ TIỀN          | GHI CHÚ                   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|
| A   | B                                                                                                                                            | 1                | 2                         |
|     | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                                                                                            | <b>1.229.989</b> |                           |
| *   | Nguồn hủy dự toán theo khoản 3 Điều 66 Luật NSNN                                                                                             | 1.229.989        |                           |
| 1   | Kế hoạch vốn đầu tư công cấp tỉnh không được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026                                          | 138.250          | Chi tiết theo Phụ lục I.1 |
| 2   | Kế hoạch vốn đầu tư nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh không được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026 | 609.729          | Chi tiết theo Phụ lục I.2 |
| 3   | Nguồn dự toán chi còn lại các chương trình, nhiệm vụ cấp tỉnh                                                                                | 195.605          | Chi tiết theo Phụ lục I.3 |
| 4   | Nguồn dự toán chi thường xuyên còn lại của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh                                                                      | 286.405          | Chi tiết theo Phụ lục I.4 |

**Phụ lục I.1**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH KHÔNG ĐƯỢC KÉO DÀI**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT      | DANH MỤC DỰ ÁN                                                                                                                                           | SỐ VỐN<br>BỊ HỦY | CHỦ ĐẦU TƯ                                                     |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------|
| A        | B                                                                                                                                                        | 1                | 2                                                              |
|          | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                                                                                                        | <b>138.250</b>   |                                                                |
| <b>I</b> | <b>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>                                                                                                          | <b>134.269</b>   |                                                                |
| 1        | Quy hoạch chung xây dựng xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030                                                                        | 66               | UBND xã Cổ Lũng                                                |
| 2        | Quy hoạch chung xây dựng xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030                                                                         | 25               | UBND xã Cổ Lũng                                                |
| 3        | Tuyến đường thị trấn Thọ Xuân đi đô thị Lam Sơn - Sao Vàng                                                                                               | 3.832            | Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa |
| 4        | Đường từ trung tâm đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung (Các hạng mục do UBND huyện Vĩnh Lộc làm chủ đầu tư) | 5.776            | Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT               |
| 5        | Xây dựng kéo dài kênh thoát nước làm mát của Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn                                                                                 | 3.522            | Ban QLDA ĐTXD Nghi Sơn                                         |
| 6        | Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trinh, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước                                                                           | 9.600            | Ban QLDA công trình giao thông Thanh Hoá                       |
| 7        | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 17 (Khu vực Yên Mỹ) Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa                                                   | 695              | Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa |
| 8        | Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ di dân TĐC Hải Hà                                                                                                         | 4.852            | Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa |
| 9        | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn                                                                      | 74.605           | Ban QLDA ĐTXD Nghi Sơn                                         |
| 10       | Xây dựng trụ sở làm việc cho công an xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025                      | 31.296           | Công an tỉnh Thanh Hóa                                         |

| STT       | DANH MỤC DỰ ÁN                                                                                                                                                                              | SỐ VỐN<br>BỊ HỦY | CHỦ ĐẦU TƯ                                                     |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>II</b> | <b>Chi XDCB vốn tập trung trong nước</b>                                                                                                                                                    | <b>3.981</b>     |                                                                |
| 1         | Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa (Các hạng mục do UBND huyện Quan Hóa làm chủ đầu tư)                                                                         | 154              | Ban QLDA công trình giao thông Thanh Hoá                       |
| 2         | Đường từ xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn                                                                                                                       | 1.352            | Ban QLDA công trình giao thông Thanh Hoá                       |
| 3         | Cầu Lộc qua sông Lý nối xã Tiên Trang với xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương                                                                                                                | 50               | Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa |
| 4         | Nâng cấp tuyến đường giao thông từ bản Nà Ôn đi bản Cò Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát (Các hạng mục do UBND huyện Mường Lát làm chủ đầu tư)                                              | 500              | Ban QLDA công trình giao thông Thanh Hoá                       |
| 5         | Tuyến đường giao thông từ bản Giàng, xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tiu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15A (Các hạng mục do UBND huyện Lang Chánh làm chủ đầu tư) | 1.925            | Ban QLDA công trình giao thông Thanh Hoá                       |

**Phụ lục I.2**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN TĂNG THU, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI**  
**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH KHÔNG ĐƯỢC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN**  
**VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày    tháng    năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT         | DANH MỤC DỰ ÁN                                                                                                                                                      | SỐ VỐN<br>BỊ HỦY   | CHỦ ĐẦU TƯ                                           |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------|
| A          | B                                                                                                                                                                   | 1                  | 2                                                    |
|            | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                                                                                                                   | <b>609.729,076</b> |                                                      |
| <b>A</b>   | <b>Các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được giao vốn trước ngày 30/9/2025</b>                                                                                      | <b>223.329,29</b>  |                                                      |
| <b>I</b>   | <b>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</b>                                                                                                               | <b>1.857,34</b>    |                                                      |
| 1          | Nâng cao năng lực ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ Quân sự, Quốc phòng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá                                                              | 221,66             | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh                              |
| -2         | Xây dựng hạ tầng thoát nước, chiếu sáng và trồng cây xanh trên đường Bắc Nam 1B và Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại xã Tùng Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) | 1.635,68           | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN                  |
| <b>II</b>  | <b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025</b>                                                                                                          | <b>1.488,38</b>    |                                                      |
| 1          | Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị làm việc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                                                                                 | 309,96             | Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp |
| 2          | Cải tạo, sửa chữa, bổ sung một số hạng mục thuộc công trình Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.              | 1.178,42           | Sở Xây dựng                                          |
| <b>III</b> | <b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025</b>                                                                                                            | <b>193.704,00</b>  |                                                      |
| 1          | Đường từ nút giao Đông Xuân đi TP Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến                                                                                            | 185.619,00         | Sở Xây dựng                                          |
| 2          | Cầu Cửa Dụ, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân                                                                                                                        | 8.085,00           | Sở Xây dựng                                          |
| <b>IV</b>  | <b>Dự án khởi công mới năm 2025</b>                                                                                                                                 | <b>25.479,58</b>   |                                                      |



| TT       | DANH MỤC DỰ ÁN                                                                                                                                                         | SỐ VỐN<br>BỊ HỦY  | CHỦ ĐẦU TƯ                                                    |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1        | Cải tạo, sửa chữa Nhà nghỉ E, Trung tâm Hội nghị 25B                                                                                                                   | 144,96            | Ban QLDA<br>ĐTXD các công<br>trình dân dụng và<br>công nghiệp |
| 2        | Cải tạo, sửa chữa Hội trường lớn và cung cấp, lắp đặt<br>thiết bị Trung tâm hội nghị 25B                                                                               | 225,72            | Ban QLDA<br>ĐTXD các công<br>trình dân dụng và<br>công nghiệp |
| 3        | Mua sắm hệ thống máy xạ trị gia tốc tại Bệnh viện<br>Ung bướu tỉnh Thanh Hóa                                                                                           | 25.108,90         | Bệnh viện Ung<br>bướu                                         |
| <b>V</b> | <b>Các dự án chuẩn bị đầu tư</b>                                                                                                                                       | <b>800,00</b>     |                                                               |
| 1        | Đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ huyện Hoằng<br>Hóa đến huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (giai<br>đoạn lập BCNCTKT)                                                | 800,00            | Sở Xây dựng                                                   |
| <b>B</b> | <b>Các dự án năm 2024 được kéo dài thời gian thực<br/>hiện và giải ngân kế hoạch vốn sang năm 2025</b>                                                                 | <b>134.113,25</b> |                                                               |
| 1        | Đường Đông Tây 4 - KKT Nghi Sơn (đoạn từ QL1A<br>tại xã Trường Lâm - Đường cao tốc Bắc Nam)                                                                            | 9.201             | Ban Quản lý KKT<br>Nghi Sơn và các<br>KCN                     |
| 2        | Đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Ung Bướu<br>Thanh Hóa                                                                                                             | 1.832             | Sở Y tế                                                       |
| 3        | Dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng<br>hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nổ Hên đến<br>đường tỉnh 514                                                          | 19.353            | Sở Xây dựng                                                   |
| 4        | Đường từ núi Văn Trinh (ĐT.504) đến đường Thọ<br>Xuân - Nghi Sơn (ĐT.506)                                                                                              | 4.562             | Ban QLDA<br>ĐTXD các công<br>trình dân dụng và<br>công nghiệp |
| 5        | Đường từ nút giao Đông Xuân đi TP Thanh Hóa,<br>đoạn Đông Thanh - Đông Tiến                                                                                            | 96.872            | Sở Xây dựng                                                   |
| 6        | Đường giao thông kết nối liên vùng từ đường Hồ Chí<br>Minh tại huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa đến QL.6<br>tại huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đoạn qua tỉnh<br>Thanh Hóa. | 2.293             | Sở Xây dựng                                                   |
| <b>C</b> | <b>Các dự án được giao kế hoạch vốn theo Luật<br/>NSNN</b>                                                                                                             | <b>229.996,47</b> |                                                               |
| 1        | Kho vũ khí trang bị kỹ thuật cho Bộ CHQS tỉnh                                                                                                                          | 13.402,59         | Bộ Chỉ huy Quân<br>sự tỉnh                                    |

| TT | DANH MỤC DỰ ÁN                                                                                                                                                      | SỐ VỐN<br>BỊ HỦY | CHỦ ĐẦU TƯ                                                        |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 2  | Chốt chiến đấu do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện theo quy định về danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực Quốc phòng (Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 11/3/2025)    | 3.322,42         | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh                                           |
| 3  | Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hồng Đức                                                                                                    | 6.490            | Trường Đại học Hồng Đức                                           |
| 4  | Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường PTDT bán trú - THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa                                               | 7.658,25         | Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa                   |
| 5  | Nâng cấp, cải tạo, khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung đoạn từ K5+950-K10+200, huyện Hoằng Hóa.                                                                | 6.800            | Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT       |
| 6  | Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến Đường tỉnh 514                                                                   | 20.000           | Sở Xây dựng                                                       |
| 7  | Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa (đoạn qua huyện Nga Sơn)                                                 | 5.472,92         | Sở Xây dựng                                                       |
| 8  | Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân                                                                                                | 32.260,27        | Sở Xây dựng                                                       |
| 9  | Sửa chữa, cải tạo Nhà khách Văn phòng Tỉnh ủy - Cơ sở Hàn Thuyên                                                                                                    | 16.460,53        | Sở Xây dựng                                                       |
| 10 | Mở rộng đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đông, thành phố Thanh Hóa - Hạng mục bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Thanh Hóa làm chủ đầu tư | 6.271,83         | Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT       |
| 11 | Dự án đầu tư xây dựng Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tinch Gia, tỉnh Thanh Hóa                                                         | 66.967,03        | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN |
| 12 | Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bim Sơn                                                                                                                    | 2.520,63         | Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT       |
| 13 | Đường giao thông từ bản Giàng, xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tiu thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối QL15A                                                 | 35.000           | Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa                   |

| TT         | DANH MỤC DỰ ÁN                                                                                                                                           | SỐ VỐN<br>BỊ HỦY | CHỦ ĐẦU TƯ                                                  |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------|
| 14         | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2)                                                                                | 7.370            | Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT |
| <b>D</b>   | <b>Các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được giao vốn sau ngày 30/9/2025</b>                                                                             | <b>22.290,06</b> |                                                             |
| <b>I</b>   | <b>Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt</b>                                                                                                      | <b>280,64</b>    |                                                             |
| 1          | Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện                                                                           | 280,64           | Trung tâm xúc tiến Công thương                              |
| <b>II</b>  | <b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025</b>                                                                                               | <b>5.656,12</b>  |                                                             |
| 1          | Xây dựng kè chống sạt lở đe tả sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070 xã Hà Vinh, huyện Hà Trung                                                              | 1.021            | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                |
| 2          | Mua sắm thiết bị triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025”                   | 4.635,12         | Sở Giáo dục và Đào tạo                                      |
| <b>III</b> | <b>Dự án khởi công mới năm 2025</b>                                                                                                                      | <b>16.353,31</b> |                                                             |
| 1          | Xây dựng khu nhà thực hành Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa.                                                                                               | 2.450,20         | Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp        |
| 2          | Đầu tư hệ thống camera giám sát tại các vị trí trọng điểm, phục vụ công tác an ninh trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 8.215,62         | Công an tỉnh                                                |
| 3          | Khai quật khảo cổ Đền tế Nam Giao - Tây Đô (phần còn lại) thuộc Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ                                                     | 5.000,57         | Ban Quản lý Di sản Thành Nhà Hồ và các Di tích trọng điểm   |
| 4          | Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng số 1                                                                       | 319              | Chi cục Kiểm lâm                                            |
| 5          | Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Thọ Xuân.                                                                                                 | 238,73           | Chi cục Kiểm lâm                                            |
| 6          | Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh                                                                                                 | 129,20           | Chi cục Kiểm lâm                                            |

**Phụ lục I.3**  
**NGUỒN DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ CẤP TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2026 của UBND tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT      | CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ | SỐ HỦY<br>DỰ TOÁN |
|----------|------------------------|-------------------|
| <i>A</i> | <i>B</i>               | <i>1</i>          |
|          | <b>TỔNG CỘNG:</b>      | <b>195.605</b>    |
| 1        | Sự nghiệp kinh tế      | 16.376            |
| 2        | Sự nghiệp GD&ĐT        | 35.622            |
| 3        | Chi quản lý hành chính | 10.120            |
| 4        | Sự nghiệp môi trường   | 5.727             |
| 5        | Sự nghiệp y tế         | 43.312            |
| 6        | Sự nghiệp ĐBXH         | 14.885            |
| 7        | Chi đầu tư phát triển  | 69.563            |

**Phụ lục I.4**  
**NGUỒN DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN CÒN LẠI CỦA CÁC**  
**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2026 của UBND tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | CƠ QUAN, ĐƠN VỊ                             | SỐ HỦY<br>DỰ TOÁN |
|-----|---------------------------------------------|-------------------|
| A   | B                                           | 1                 |
|     | <b>TỔNG CỘNG:</b>                           | <b>286.405</b>    |
| 1   | Trường Chính trị tỉnh                       | 460               |
| 2   | Báo và Phát thanh truyền hình Thanh Hóa     | 3.481             |
| 3   | Văn phòng UBND tỉnh                         | 6.999             |
| 4   | Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN         | 20.375            |
| 5   | Sở Nông nghiệp và Môi trường                | 52.282            |
| 6   | Sở Xây dựng                                 | 47.855            |
| 7   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch             | 38.229            |
| 8   | Sở Tài chính                                | 6.723             |
| 9   | Sở Dân tộc và Tôn giáo                      | 3.435             |
| 10  | Sở Nội vụ                                   | 9.819             |
| 11  | Sở Khoa học và Công nghệ                    | 13.297            |
| 12  | Sở Công Thương                              | 4.921             |
| 13  | Sở Y tế                                     | 36.272            |
| 14  | Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa | 15.392            |
| 15  | Sở Giáo dục và Đào tạo                      | 23.113            |
| 16  | Ban an toàn giao thông tỉnh                 | 3.752             |

**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI**  
**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2025 (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2026 của UBND tỉnh)

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                | Kinh phí phân bổ | Ghi chú                                                                                            |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A         | B                                                                                                                                                                                                                       | 1                | 2                                                                                                  |
|           | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>1.229.989</b> |                                                                                                    |
| <b>I</b>  | <b>Bổ sung dự phòng ngân sách tỉnh trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật NSNN năm 2025</b>                                                                                                                    | <b>200.000</b>   |                                                                                                    |
| <b>II</b> | <b>Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền</b>                                                                               | <b>666.989</b>   |                                                                                                    |
| 1         | Đầu tư vốn nhà nước thành lập các công ty cổ phần thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                                                                                 | 115.500          | Giao Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ khi đảm bảo điều kiện theo quy định                      |
| -         | Công ty cổ phần trung tâm đổi mới sáng tạo                                                                                                                                                                              | 42.000           |                                                                                                    |
| -         | Công ty cổ phần quỹ đầu tư mạo hiểm                                                                                                                                                                                     | 73.500           |                                                                                                    |
| 2         | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 Luật NSNN năm 2025                                           | 368.000          |                                                                                                    |
| -         | Giao kế hoạch vốn để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Doanh trại Công an tỉnh                                                                                                                                            | 300.000          | Giao Sở Tài chính thực hiện các thủ tục nghiệp vụ giao kế hoạch vốn cho Công an tỉnh theo quy định |
| -         | Kinh phí chuẩn bị đầu tư các Dự án trụ sở làm việc Công an xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới theo Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 14/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ                                         | 68.000           | Giao Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ khi đảm bảo điều kiện theo quy định                      |
| 3         | Giao kế hoạch vốn hoàn thành các dự án chuyển tiếp đầu tư từ nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh; hỗ trợ vốn đối ứng ngân sách cấp huyện (cũ) để các địa phương hoàn thành dự án tỉnh cam kết đầu tư | 183.489          | Chi tiết theo Phụ lục II.1                                                                         |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                           | Kinh phí<br>phân bổ | Ghi chú                           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| III | <b>Giao kế hoạch vốn đầu tư mở rộng các bãi chôn lấp rác thải rắn sinh hoạt; các công trình, dự án phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục trên địa bàn các xã, phường</b> | <b>363.000</b>      | <b>Chi tiết theo Phụ lục II.2</b> |
| 1   | Đầu tư, mở rộng bãi chôn lấp rác thải rắn sinh hoạt                                                                                                                                                                                                | 41.000              |                                   |
| 2   | Đầu tư công trình phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục                                                                                                                  | 322.000             |                                   |

Phụ lục II.1

GIAO KẾ HOẠCH VỐN HOÀN THÀNH CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN TĂNG THU, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH;  
HỖ TRỢ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CŨ) ĐỂ CÁC XÃ HOÀN THÀNH CÁC DỰ ÁN TỈNH CAM KẾT ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nguồn vốn/Danh mục dự án                                                                                                                                         | Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán  |                                         | Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo                       |                                | Số vốn còn thiếu đến thời điểm báo cáo                           |                                | Kế hoạch vốn giao từ nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2) | Chủ đầu tư | Ghi chú                                                     |                                                                  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                  | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành                                                | Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán |                                                                  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) |                                                                                    |            |                                                             | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh |
|     |                                                                                                                                                                  |                                                                                         | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)          | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh |                                |                                                                  |                                |                                                                                    |            |                                                             |                                                                  |
| A   | B                                                                                                                                                                | C                                                                                       | I                                       | 2                                                                | 3                              | 4                                                                | 5                              | 6                                                                                  | 7          | 8                                                           | 9                                                                |
|     | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                        |                                                                                         | 3.318.452                               | 753.308                                                          | 2.159.972                      | 565.461                                                          | 1.158.480                      | 187.847                                                                            | 183.489    |                                                             |                                                                  |
| A   | Giao kế hoạch vốn thực hiện các dự án chuyển tiếp từ nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh                                                      |                                                                                         | 2.823.903                               | 336.329                                                          | 1.775.422                      | 224.505                                                          | 1.048.481                      | 111.824                                                                            | 106.222    |                                                             |                                                                  |
| I   | Lĩnh vực quốc phòng địa phương                                                                                                                                   |                                                                                         | 119.056                                 | 14.290                                                           | 99.793                         | 4.478                                                            | 19.263                         | 9.812                                                                              | 9.812      |                                                             |                                                                  |
| 1   | Chốt chiến đấu do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện theo quy định về danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực Quốc phòng (Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 11/3/2025) | 582/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 (M)                                                         | 9.600                                   | 7.800                                                            | 6.181                          | 4.478                                                            | 3.419                          | 3.322                                                                              | 3.322      | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh                                     |                                                                  |
| 2   | Trung tâm Giáo dục quốc phòng Thanh Hóa thuộc Trường Đại học Hồng Đức (nay là Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hồng Đức)                  | 2755/QĐ-UBND ngày 03/10/2006; 3957/QĐ-UBND ngày 04/11/2010; 1284/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 | 109.456                                 | 6.490                                                            | 93.612                         |                                                                  | 15.844                         | 6.490                                                                              | 6.490      | Trường Đại học Hồng Đức                                     |                                                                  |
| II  | Lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                                                                                   |                                                                                         | 19.900                                  | 19.900                                                           | 11.684                         | 11.684                                                           | 8.216                          | 8.216                                                                              | 8.216      |                                                             |                                                                  |
| 1   | Đầu tư hệ thống camera giám sát tại các vị trí trọng điểm, phục vụ công tác an ninh trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa         | 2360/QĐ-UBND ngày 03/7/2025                                                             | 19.900                                  | 19.900                                                           | 11.684                         | 11.684                                                           | 8.216                          | 8.216                                                                              | 8.216      | Công an tỉnh                                                |                                                                  |
| III | Lĩnh vực giao thông                                                                                                                                              |                                                                                         | 200.000                                 | 10.000                                                           | 87.343                         | 2.630                                                            | 112.657                        | 7.370                                                                              | 7.370      |                                                             |                                                                  |
| 1   | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2)                                                                                        | 1258/QĐ-UBND ngày 13/04/2022                                                            | 200.000                                 | 10.000                                                           | 87.343                         | 2.630                                                            | 112.657                        | 7.370                                                                              | 7.370      | Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT |                                                                  |



| STT | Nguồn vốn/Danh mục dự án                                                                                              | Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán                         |                                         |                                                                  | Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo |                                                                  | Số vốn còn thiếu đến thời điểm báo cáo |                                                                  | Kế hoạch vốn giao từ nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2) | Chủ đầu tư                                                  | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                       | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành                                                                       | Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán |                                                                  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)             | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)         | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh |                                                                                    |                                                             |         |
|     |                                                                                                                       |                                                                                                                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)          | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh |                                            |                                                                  |                                        |                                                                  |                                                                                    |                                                             |         |
| IV  | Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản                                                   |                                                                                                                | 68.398                                  | 17.000                                                           | 36.200                                     | 10.200                                                           | 32.198                                 | 6.800                                                            | 6.800                                                                              |                                                             |         |
| 1   | Nâng cấp, cải tạo, khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung đoạn từ K5+950 - K10+200, huyện Hoảng Hóa                 | 3011/QĐ-UBND ngày 29/7/2024                                                                                    | 68.398                                  | 17.000                                                           | 36.200                                     | 10.200                                                           | 32.198                                 | 6.800                                                            | 6.800                                                                              | Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT |         |
| V   | Lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                                                                  |                                                                                                                | 92.272                                  | 92.272                                                           | 84.614                                     | 84.614                                                           | 7.658                                  | 7.658                                                            | 2.056                                                                              |                                                             |         |
| 1   | Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường PTDT bán trú - THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa | 4650/QĐ-UBND ngày 25/11/2024                                                                                   | 92.272                                  | 92.272                                                           | 84.614                                     | 84.614                                                           | 7.658                                  | 7.658                                                            | 2.056                                                                              | Ban QLDA đầu tư công trình giao thông                       |         |
| VI  | Lĩnh vực Văn hóa, thể dục, thể thao                                                                                   |                                                                                                                | 10.000                                  | 10.000                                                           | 4.999                                      | 4.999                                                            | 5.001                                  | 5.001                                                            | 5.001                                                                              |                                                             |         |
| 1   | Khai quật khảo cổ Đàn tế Nam Giao - Tây Đô (phần còn lại) thuộc Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ                  | 1117/QĐ-UBND ngày 16/4/2025                                                                                    | 10.000                                  | 10.000                                                           | 4.999                                      | 4.999                                                            | 5.001                                  | 5.001                                                            | 5.001                                                                              | BQL di sản Thành nhà Hồ và các di tích trọng điểm           |         |
| VII | Lĩnh vực khu công nghiệp và khu kinh tế                                                                               |                                                                                                                | 2.314.277                               | 172.867                                                          | 1.450.789                                  | 105.900                                                          | 863.488                                | 66.967                                                           | 66.967                                                                             |                                                             |         |
| 1   | Dự án đầu tư xây dựng Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa            | 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018; 573/QĐ-TTg ngày 28/4/2020; 344/QĐ-TTg ngày 05/4/2023; 3621/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 | 2.314.277                               | 172.867                                                          | 1.450.789                                  | 105.900                                                          | 863.488                                | 66.967                                                           | 66.967                                                                             | Ban QLDA ĐTXD Nghi Sơn                                      |         |
| B   | Giao kế hoạch vốn còn thiếu cho các dự án cấp tỉnh đã phê duyệt quyết toán                                            |                                                                                                                | 170.901                                 | 144.799                                                          | 168.058                                    | 141.956                                                          | 2.843                                  | 2.843                                                            | 2.843                                                                              |                                                             |         |
| 1   | Trụ sở làm việc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa                                                                            | 400/QĐ-UBND ngày 03/2/2026                                                                                     | 142.162                                 | 142.162                                                          | 141.956                                    | 141.956                                                          | 206                                    | 206                                                              | 206                                                                                | Viện Nông nghiệp                                            |         |
| 2   | Trung tâm Giới thiệu việc làm Thanh Hóa                                                                               | 1398/QĐ-UBND ngày 28/4/2021                                                                                    | 28.739                                  | 2.637                                                            | 26.102                                     | -                                                                | 2.637                                  | 2.637                                                            | 2.637                                                                              | Trung tâm Dịch vụ việc làm                                  |         |

| STT | Nguồn vốn/Danh mục dự án                                                                                                             | Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán |                                         | Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo                       |                                | Số vốn còn thiếu đến thời điểm báo cáo                           |                                | Kế hoạch vốn giao từ nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2) | Chủ đầu tư | Ghi chú                 |                                                                                                                                                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                      | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành                                               | Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán |                                                                  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) |                                                                                    |            |                         | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh                                                                                |
|     |                                                                                                                                      |                                                                                        | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)          | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh |                                |                                                                  |                                |                                                                                    |            |                         |                                                                                                                                                 |
| C   | Hỗ trợ vốn hoàn thành các dự án cấp tỉnh cam kết đầu tư, vốn đối ứng ngân sách cấp huyện (cũ)                                        |                                                                                        | 323.648                                 | 272.180                                                          | 216.492                        | 199.000                                                          | 107.156                        | 73.180                                                                             | 74.424     |                         |                                                                                                                                                 |
| I   | Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt                                                                                         |                                                                                        | 156.532                                 | 131.138                                                          | 130.000                        | 127.500                                                          | 26.532                         | 3.638                                                                              | 19.516     |                         |                                                                                                                                                 |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ, thị xã Bỉm Sơn                                                                                | 84/QĐ-UBND ngày 19/01/2026                                                             | 48.638                                  | 48.638                                                           | 45.000                         | 45.000                                                           | 3.638                          | 3.638                                                                              | 3.638      | UBND phường Quang Trung | Ngân sách tỉnh đã bố trí đủ hạn mức theo cam kết. Hỗ trợ địa phương tiếp nhận dự án phân vốn đối ứng thuộc trách nhiệm ngân sách cấp huyện (cũ) |
| 2   | Kè chống sạt lở kết hợp đường giao thông đô thị bờ hữu sông Yên (K0+00 – K01+550) thuộc địa phận thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống | 202/QĐ-UBND ngày 28/1/2026                                                             | 57.696                                  | 51.000                                                           | 53.500                         | 51.000                                                           | 4.196                          | -                                                                                  | 2.900      | UBND xã Nông Cống       |                                                                                                                                                 |
| 3   | Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 - Km3+00 đường Sim - Bến Sung - Thanh Tân (ĐT.520)                        | 1150/QĐ-UBND ngày 13/11/2025                                                           | 26.198                                  | 18.000                                                           | 18.000                         | 18.000                                                           | 8.198                          | -                                                                                  | 5.700      | UBND xã Hợp Tiến        |                                                                                                                                                 |
| 4   | Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê Thổ Khối, xã Yên Dương, huyện Hà Trung                                                             | 3286/QĐ-UBND ngày 23/8/2022                                                            | 24.000                                  | 13.500                                                           | 13.500                         | 13.500                                                           | 10.500                         | -                                                                                  | 7.278      | UBND xã Hoạt Giang      |                                                                                                                                                 |
| II  | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                    |                                                                                        | 167.116                                 | 141.042                                                          | 86.492                         | 71.500                                                           | 80.624                         | 69.542                                                                             | 54.908     |                         |                                                                                                                                                 |
| 1   | Kè chống sạt lở, bảo vệ khu dân cư thôn Hải Thành, Hải Mậu thuộc bờ hữu sông Chu đoạn K9+500- K11+000, xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân    | 1680/QĐ-UBND ngày 02/4/2025                                                            | 62.929                                  | 55.634                                                           | 25.000                         | 25.000                                                           | 37.929                         | 30.634                                                                             | 21.600     | UBND xã Xuân Hòa        | Bố trí 70% vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ còn thiếu, kết hợp nguồn vốn ngân sách xã để hoàn thành dự án                                              |

Bố trí 70% vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ còn thiếu, kết hợp nguồn vốn ngân sách xã để hoàn thành dự án

| STT | Nguồn vốn/Danh mục dự án                                                                        | Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư); quyết định phê duyệt quyết toán |                                         |                                                                  | Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo |                                                                  | Số vốn còn thiếu đến thời điểm báo cáo |                                                                  | Kế hoạch vốn giao từ nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (đợt 2) | Chủ đầu tư          | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                 | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành                                               | Tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán |                                                                  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)             | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)         | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh |                                                                                    |                     |                                                                                                                                                                                                                             |
|     |                                                                                                 |                                                                                        | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)          | Trong đó: Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh |                                            |                                                                  |                                        |                                                                  |                                                                                    |                     |                                                                                                                                                                                                                             |
| 2   | Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ tả suối Vắn, đoạn qua khu dân cư bản Vắn, xã Yên Thắng, tỉnh Thanh Hóa | 3060/QĐ-UBND ngày 15/9/2025                                                            | 32.000                                  | 32.000                                                           | 16.000                                     | 16.000                                                           | 16.000                                 | 16.000                                                           | 11.500                                                                             | UBND xã Yên Thắng   | Hỗ trợ kinh phí để khắc phục, xử lý toàn bộ chiều dài khu vực bị sạt lở theo tình hướng khẩn cấp được công bố tại Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh                                          |
| 3   | Sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân bản Sạy (khu số 2), xã Trung Thành, huyện Quan Hóa        | 856/QĐ-UBND ngày 26/4/2025; 207/QĐ-UBND ngày 17/9/2025; 508/CV-UBND ngày 15/5/2026     | 25.000                                  | 10.998                                                           | 14.002                                     |                                                                  | 10.998                                 | 10.998                                                           | 9.898                                                                              | UBND xã Trung Thành | Dự án được bố trí từ nguồn dự phòng NSTW năm 2024 nhưng hết ngày 31/12/2025 chưa giải ngân hết, phải hoàn trả theo quy định. Ngân sách tỉnh bố trí vốn bằng số tiền đã hoàn trả NSTW để tiếp tục thực hiện hoàn thành dự án |
| 4   | Sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Âm Hiêu, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước                  | 545/QĐ-UBND ngày 01/11/2025; 586/UBND-KT ngày 21/4/2026                                | 9.200                                   | 8.210                                                            | 990                                        |                                                                  | 8.210                                  | 8.210                                                            | 8.210                                                                              | UBND xã Cổ Lũng     |                                                                                                                                                                                                                             |
| 5   | Xây dựng mới cầu làng Giỏi, xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc                                           | 3566/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; 537/QĐ-UBND ngày 23/9/2025                                | 37.987                                  | 34.200                                                           | 30.500                                     | 30.500                                                           | 7.487                                  | 3.700                                                            | 3.700                                                                              | UBND xã Nguyệt Ấn   | Bố trí đủ 100% hạn mức vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, kết hợp nguồn vốn ngân sách xã để hoàn thành dự án                                                                                                                        |

Phụ lục II.2

GIAO KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ MỞ RỘNG CÁC BÃI CHÔN LẤP RÁC THẢI RẴN SINH HOẠT, CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI; TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT NGÀNH GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục chương trình, dự án                                                                                                                              | Đơn vị đề xuất    | Văn bản đề xuất/ chỉ đạo; hồ sơ tài liệu có liên quan | Khái quát hiện trạng, sự cần thiết đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dự kiến TMDT |                                     | Kế hoạch vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đợt này | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                           |                   |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tổng số      | Trong đó: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ |                                                |         |
| A   | B                                                                                                                                                         | C                 | D                                                     | E                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1            | 2                                   | 3                                              |         |
|     | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                 |                   |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 516.111      | 498.411                             | 363.000                                        |         |
| I   | Các công trình, dự án phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục trên địa bàn các xã |                   |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 408.730      | 399.930                             | 292.500                                        |         |
| 1   | Cầu sông Luồng bản Thủy Sơn, xã Sơn Thủy                                                                                                                  | UBND xã Sơn Thủy  | 92-KL/TU ngày 05/12/2025; 625/UBND-KT ngày 13/05/2026 | Cầu sông Luồng bản Thủy Sơn, xã Sơn Thủy hiện tại là tràn liên hợp cống bản; kết cấu công trình bằng BTXM, tràn được xây dựng hoàn thiện đưa vào sử dụng năm 2017, do tác động của các đợt mưa lũ đã bị xuống cấp nghiêm trọng, gây nguy hiểm mất an toàn cho người và phương tiện giao thông, vào mùa mưa lũ tuyến đường thường xuyên bị chia cắt, cô lập người dân bản Thủy Sơn. Dự án đã được Đảng uỷ UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại Tờ trình số 106/TTr-ĐU ngày 26/11/2025, được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thống nhất về sự cần thiết đầu tư tại Kết luận số 92-KL/TU ngày 05/12/2025 | 24.472       | 24.472                              | 18.000                                         |         |
| 2   | Cầu bản Hạ, xã Tam Lư                                                                                                                                     | UBND xã Tam Lư    | 92-KL/TU ngày 05/12/2025; 659/UBND-KT ngày 14/5/2026  | Công trình thoát nước tại lý trình Km0+200 và Km2+800 hiện tại là công trình tràn liên hợp cống bản. Kết cấu công trình bằng BTXM, do công trình đã đưa vào sử dụng từ lâu, dưới tác động của các đợt mưa lũ đã bị xuống cấp nghiêm trọng, gây nguy hiểm mất an toàn cho người và phương tiện giao thông. Dự án đã được Đảng uỷ UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại Tờ trình số 106/TTr-ĐU ngày 26/11/2025, được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thống nhất về sự cần thiết đầu tư tại Kết luận số 92-KL/TU ngày 05/12/2025                                                                          | 28.100       | 28.100                              | 21.000                                         |         |
| 3   | Khắc phục sạt lở khu vực cầu Khe Rông, xã Như Thanh                                                                                                       | UBND xã Như Thanh | 241/TTr-UBND ngày 14/5/2025                           | Sông Khe Rông đoạn từ thượng lưu cầu tràn đến hạ lưu cầu Khe Rông (trên tuyến Quốc lộ 45) có dòng chảy ngoằn ngoèo, uốn khúc; hai bên bờ sông đã xuất hiện nhiều điểm sạt lở, nhất là về phía bờ tả, sạt lở đã áp sát khu dân cư và khu vực đền Khe Rông (di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh) thuộc thôn Vĩnh Long 1. Hàng năm vào mùa mưa lũ, khu vực 2 bên bờ sông Khe Rông nêu trên thường xuyên bị ngập lụt nặng, thời gian ngập kéo dài, gây ra tình trạng ngập úng và sạt lở 2 bên bờ sông; sạt lở đã áp sát công trình nhà ở của 20 hộ dân thuộc thôn Vĩnh Long 1                           | 40.000       | 40.000                              | 29.000                                         |         |

| STT | Danh mục chương trình, dự án                                                                                      | Đơn vị đề xuất    | Văn bản đề xuất/ chỉ đạo; hồ sơ tài liệu có liên quan        | Khái quát hiện trạng, sự cần thiết đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Dự kiến TMDT |                                     | Kế hoạch vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đợt này | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                   |                   |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tổng số      | Trong đó: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ |                                                |         |
| A   | B                                                                                                                 | C                 | D                                                            | E                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1            | 2                                   | 3                                              |         |
| 4   | Xử lý khẩn cấp sạt lở nghiêm trọng suối Hón Suôi đoạn qua thôn Bá Lộc và thôn Chiềng xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hóa | UBND xã Thiết Ống | 120/TTr-UBND ngày 24/12/2025                                 | Bờ suối Hón Suôi đoạn qua thôn Bá Lộc và thôn Chiềng, xã Thiết Ống đã có một số vị trí sạt lở đứng thành, có nguy cơ ảnh hưởng đến 05 hộ dân sinh sống ven bờ suối; ngoài ra trên tuyến còn có 01 cầu bản, do khẩu độ nhỏ nên khi có mưa lũ không đảm bảo tiêu thoát, thường xuyên xảy ra tình trạng ngập lụt tại khu vực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 40.000       | 40.000                              | 29.000                                         |         |
| 5   | Xử lý khẩn cấp sạt lở nghiêm trọng bờ hữu Sông Mã đoạn qua Làng Cha, xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hóa                 | UBND xã Thiết Ống | 18723/UBND-KTTC ngày 28/10/2025; 54/TTr-UBND ngày 24/10/2025 | Sông Mã đoạn qua làng Cha, xã Thiết Ống là đoạn sông cong, dòng chủ lưu áp sát sang phía bờ hữu; qua kiểm tra thực tế, bờ hữu sông Mã khu vực này nhiều vị trí đã sạt lở đứng thành, chiều cao cung sạt trung bình từ 6-8m, gây mất đất bờ sông và thiệt hại về cây trồng của các hộ dân; khoảng cách gần nhất từ điểm sạt lở đến công trình nhà ở của các hộ dân khoảng 20m. Theo báo cáo của UBND xã Thiết Ống, hiện tượng sạt lở nêu trên có nguy cơ ảnh hưởng đến 28 hộ dân thuộc làng Cha sinh sống ven bờ sông Mã.                                                                                                                                                              | 45.000       | 45.000                              | 32.500                                         |         |
| 6   | Kè xử lý khẩn cấp sạt lở bờ hữu Sông Yên thôn Cao Nhuận, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa                             | UBND xã Nông Cống | 8711/UBND-KTTC ngày 14/5/2026; 69/TTr-UBND ngày 12/5/2026    | Vị trí sạt lở nằm sát bờ Sông Yên (đỉnh cong có chiều dài khoảng 800m) sát đường giao thông và khu dân cư thôn Cao Nhuận, vào mùa mưa lũ vị trí này thường xảy ra sạt lở khi mực nước sông Yên dâng cao. Do ảnh hưởng của các trận mưa, lũ vừa qua mực nước sông Yên đạt mức trên báo động III gây sạt lở bờ hữu sông Yên, thôn Cao Nhuận với chiều dài cung sạt khoảng 35m. Cùng với biến đổi dòng chảy chính của sông cho nên thường xuyên xảy ra sự cố sạt lở mái bờ sông (sạt lở theo kiểu hàm ếch, đã được xử lý sạt lở vào năm 2021, 2024), thấm lậu, ảnh hưởng không nhỏ đến an toàn của nhân dân mỗi khi gặp lũ cao, bão lớn                                                  | 29.500       | 20.700                              | 15.000                                         |         |
| 7   | Xử lý khẩn cấp sạt lở nghiêm trọng bờ sông Lò đoạn qua bản Bôn, bản Ngàm, xã Tam Thanh, tỉnh Thanh Hóa            | UBND xã Tam Thanh | 29/TTr-UBND ngày 08/5/2026                                   | Sông Lò đoạn qua bản Bôn, bản Ngàm, xã Tam Thanh có dòng chảy ngoằn ngoèo, uốn khúc; hai bên bờ sông đã xuất hiện nhiều điểm sạt lở đứng thành, áp sát vào khu vực ruộng trồng lúa, tuyến đường giao thông từ trung tâm xã đi cột mốc H5 và nhà ở của hộ dân. Theo báo cáo của UBND xã Tam Thanh, mỗi khi có mưa lũ, trên sông Lò nước chảy xiết, lũ dôn về nhanh, do sông ngoằn ngoèo, uốn khúc nên dòng chảy biến đổi và thúc thẳng vào 2 bờ; nhất là trong mùa lũ năm 2025, đã làm vùi lấp, sạt lở nhiều vị trí ruộng trồng lúa sát sông, tạo thành nhiều cung sạt đứng thành. Hiện tượng sạt lở nêu trên có nguy cơ ảnh hưởng đến 175 hộ dân và 20 ha đất trồng lúa của người dân | 50.000       | 50.000                              | 36.000                                         |         |

| STT | Danh mục chương trình, dự án                                                                                   | Đơn vị đề xuất      | Văn bản đề xuất/<br>chỉ đạo; hồ sơ tài liệu có liên quan                                                           | Khái quát hiện trạng, sự cần thiết đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Dự kiến TMDT |                                           | Kế hoạch vốn<br>ngân sách cấp<br>tỉnh hỗ trợ<br>đợt này | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                |                     |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tổng số      | Trong đó:<br>Ngân sách cấp<br>tỉnh hỗ trợ |                                                         |         |
| A   | B                                                                                                              | C                   | D                                                                                                                  | E                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1            | 2                                         | 3                                                       |         |
| 8   | Kè chống sạt lở bờ Sông Lò (đoạn từ sau Ban CHQS xã đến đối diện Trường Mầm non Sơn Lư 1), xã Quan Sơn         | UBND xã Quan Sơn    | 447-TB/VPTU ngày 19/7/2024; 8445/UBND-KTTC ngày 11/5/2026; 30/TTr-UBND ngày 08/5/2026                              | Sông Lò đoạn qua khu phố 1, khu phố 3, xã Quan Sơn là đoạn sông cong, dòng chủ lưu áp sát sang phía bờ tả; qua kiểm tra thực tế, phía bờ tả sông Lò khu vực nêu trên có độ dốc lớn, nhiều vị trí đã sạt lở đứng thành có nguy cơ áp sát tuyến Quốc lộ 217; khu vực này hiện có 54 hộ dân sinh sống ngay sát bờ sông, một số nhà ở chỉ cách mép nước hiện trạng khoảng 3-5m. Theo báo cáo của UBND xã Quan Sơn, hàng năm lũ trên sông Lò lên cao, gây sạt lở, tiềm ẩn nguy cơ rất cao đe dọa đến 54 hộ dân sinh sống sát bờ sông. | 38.400       | 38.400                                    | 28.000                                                  |         |
| 9   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã 3 thôn Trung Chính đi thôn Hòa Lâm và thôn Xuân Thắng xã Thường Xuân | UBND xã Thường Xuân | 76/TTr-UBND ngày 07/5/2026                                                                                         | Tuyến đường giao thông từ ngã 3 thôn Trung Chính đi thôn Hòa Lâm và thôn Xuân Thắng, xã Thường Xuân được đầu tư từ năm 2009, hiện đã xuống cấp nghiêm trọng; kết cấu mặt đường hư hỏng, sụt lún; hệ thống thoát nước không đồng bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 31.254       | 31.254                                    | 23.000                                                  |         |
| 10  | Xử lý chống sạt lở khu dân cư thôn Phi Long, xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hoá                                        | UBND xã Cẩm Tân     | 4811/UBND-KTTC ngày 20/3/2026; 22/TTr-UBND ngày 18/3/2026; 910/UBND-KT ngày 18/5/2026                              | Đồi đất phía sau công trình nhà ở của các hộ dân thôn Phi Long đang tồn tại các vách cao từ 8-10 m, độ dốc khá lớn từ 70-80 <sup>0</sup> , cách khu vực công trình nhà ở của các hộ dân khoảng 10-15 m; phía dưới chân hiện có các khối đất đã sạt. Hiện tượng sạt lở có nguy cơ ảnh hưởng đến 11 hộ dân sinh sống phía dưới chân đồi (khu vực thôn Phi Long)                                                                                                                                                                    | 20.324       | 20.324                                    | 15.000                                                  |         |
| 11  | Nâng cấp đường giao thông bản Cánh Cộn – Cá Giàng, xã Trung Lý, tỉnh Thanh Hóa                                 | UBND xã Trung Lý    | 142-TB/VPTU ngày 14/4/2026; 8203/UBND-THĐT ngày 07/5/2026; 27/TTr-UBND ngày 02/4/2026; 1444/UBND-KT ngày 25/5/2026 | Tuyến đường hiện trạng có tổng chiều dài khoảng 1,25 km, hiện đang là đường đất có Bn=1-1,5 m, tuyến đường hẹp và quanh co. Khi xảy ra mưa làm mặt đường trơn trượt, kết hợp đá lộ đầu gây mất an toàn cho người dân tham gia giao thông, sản xuất. Việc đầu tư nâng cấp tuyến đường nhằm đảm bảo kết nối giao thông ổn định và an toàn cho 35 hộ dân với khoảng 214 nhân khẩu.                                                                                                                                                  | 20.380       | 20.380                                    | 15.000                                                  |         |
| 12  | Nâng cấp đường giao thông bản Pa Búa, xã Trung Lý, tỉnh Thanh Hóa                                              | UBND xã Trung Lý    | 142-TB/VPTU ngày 14/4/2026; 8203/UBND-THĐT ngày 07/5/2026; 27/TTr-UBND ngày 02/4/2026; 1444/UBND-KT ngày 25/5/2026 | Tuyến đường hiện trạng có tổng chiều dài khoảng 3 km, hiện đang là đường đất có Bn=2,5-3 m, tuyến đường có độ dốc cao (≥15%) và quanh co. Khi xảy ra mưa làm mặt đường trơn trượt, kết hợp đá lộ đầu gây mất an toàn cho người dân tham gia giao thông, sản xuất. Việc đầu tư nâng cấp tuyến đường nhằm đảm bảo kết nối giao thông ổn định và an toàn cho khoảng 76 hộ dân với 394 nhân khẩu                                                                                                                                     | 41.300       | 41.300                                    | 31.000                                                  |         |



| STT | Danh mục chương trình, dự án                                  | Đơn vị đề xuất          | Văn bản đề xuất/ chỉ đạo; hồ sơ tài liệu có liên quan                                 | Khái quát hiện trạng, sự cần thiết đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Dự kiến TMDT |                                     | Kế hoạch vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đợt này | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                               |                         |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tổng số      | Trong đó: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| A   | B                                                             | C                       | D                                                                                     | E                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1            | 2                                   | 3                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| II  | Các dự án đầu tư, mở rộng bãi chôn lấp rác thải rắn sinh hoạt |                         |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 58.381       | 58.381                              | 41.000                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1   | Mở rộng bãi chôn lấp rác thải tại xã Hà Trung                 | UBND xã Hà Trung        | 8621/UBND-NNMT ngày 13/5/2026; 1403/UBND-KT ngày 20/5/2026                            | Hiện nay, xã Hà Trung đang vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh (tại địa bàn xã Hà Đông cũ) để xử lý rác cho toàn bộ khu vực gồm 5 xã: Hà Trung, Tống Sơn, Lĩnh Toại, Hoạt Giang và Hà Long. Theo thiết kế ban đầu, bãi rác có 06 ô chôn lấp rác thải, cụ thể: 03 ô chôn lấp, mỗi ô thể tích 12.000m3 ; 01 ô thể tích 9.900 m3, 02 ô thể tích 11.400m3 và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Hiện tại 05 ô chôn lấp đã được san lấp phủ đất, trồng cây, 01 ô đang tiếp nhận rác (thể tích tổng 11.400 m3 ). Thời gian sử dụng khu bãi rác hiện trạng còn rất ít, ô chôn lấp hiện trạng chỉ còn 1 ô đang tiếp nhận rác, chỉ tiếp nhận rác được khoảng 3 tháng, nhu cầu mở rộng bãi rác để phục vụ xử lý rác thải trên địa bàn huyện Hà Trung cũ là cần thiết                               | 17.900       | 17.900                              | 12.500                                         | Giao UBND các xã, phường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục đầu tư dự án; đề xuất Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn bổ sung có mục tiêu khi đảm bảo đầy đủ điều kiện theo quy định. |
| 2   | Bãi chôn lấp rác tạm tại phường Nam Sầm Sơn                   | UBND phường Nam Sầm Sơn | 6129/UBND-NNMT ngày 08/4/2026; 2309/UBND-KTHTĐT ngày 21/5/2026                        | Thực hiện chủ trương đóng cửa bãi rác Trung Sơn do đã quá tải và không còn phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường, địa phương đã chuyển hướng vận chuyển rác đến các cơ sở xử lý khác. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thu gom, vận chuyển và tiếp nhận xử lý còn phụ thuộc vào năng lực của các nhà máy xử lý rác thải ngoài địa bàn; trong một số thời điểm phát sinh sự cố hoặc quá tải đã dẫn đến tình trạng rác thải tồn đọng tại các điểm tập kết, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, mỹ quan đô thị, đời sống Nhân dân và hoạt động du lịch trên địa bàn                                                                                                                                                                                                                                                 | 15.000       | 15.000                              | 10.500                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3   | Mở rộng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tạm xã Sao Vàng  | UBND xã Sao Vàng        | 5147/UBND-NNMT ngày 25/3/2026; 67/TTr-UBND ngày 05/5/2026; 328/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 | Hiện nay, 19/30 xã của huyện Thọ Xuân (trước đây), gồm đang thực hiện chôn lấp rác tại bãi xử lý rác thải sinh hoạt xã Sao Vàng. Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh cần thu gom, xử lý tại các xã nêu trên được tập kết tạm thời tại bãi rác xã Sao Vàng với khối lượng trung bình khoảng 17-18 xe/ngày đêm, tương đương khoảng 126 tấn/ngày đêm. Theo văn bản số 4452/UBND-NNMT ngày 15/3/2026 của UBND tỉnh, trong thời gian Nhà máy xử lý rác thải Đông Nam tại phường Đông Quang chưa tiếp nhận rác thải hàng ngày thì khu xử lý chôn rác thải phải tiếp nhận thêm rác của 03 phường (Hàm Rồng, Nguyệt Viên, Đông Sơn). Như vậy lượng rác phát sinh hằng ngày lớn, tiềm ẩn nguy cơ tồn đọng trong khu dân cư, gây ô nhiễm môi trường, làm mất mỹ quan nông thôn và ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. | 25.481       | 25.481                              | 18.000                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| III | Tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục                      |                         |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 49.000       | 40.100                              | 29.500                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT | Danh mục chương trình, dự án                        | Đơn vị đề xuất     | Văn bản đề xuất/ chỉ đạo; hồ sơ tài liệu có liên quan   | Khái quát hiện trạng, sự cần thiết đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Dự kiến TMDT |                                     | Kế hoạch vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đợt này | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|---------|
|     |                                                     |                    |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tổng số      | Trong đó: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ |                                                |         |
| A   | B                                                   | C                  | D                                                       | E                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1            | 2                                   | 3                                              |         |
| 1   | Trường THCS Tượng Sơn xã Tượng Lĩnh                 | UBND xã Tượng Lĩnh | 39/TTr-UBND ngày 18/5/2026                              | Hiện nay nhà trường với quy mô 510 học sinh, 29 giáo viên; Cơ sở vật chất của trường hiện có nhà hiệu bộ 2 tầng 10 phòng được xây dựng năm 1995, nhà lớp học 02 tầng 06 phòng được xây dựng năm 2010; nhà lớp học 1 tầng 1 phòng và khu bếp ăn được xây dựng từ năm 2004. Các công trình qua quá trình sử dụng nhiều năm đã xuống cấp nghiêm trọng không thể sử dụng với mục đích lâu dài, đồng thời diện tích và công năng các phòng học không còn đảm bảo theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo | 13.000       | 9.100                               | 6.500                                          |         |
| 2   | Trường Mầm non Hiền Chung, xã Hiền Kiệt             | UBND xã Hiền Kiệt  | 38/TTr-UBND ngày 20/5/2026; 363/BC-UBND ngày 16/12/2025 | Trường Mầm non Hiền Chung được đầu tư xây dựng năm 2004, qua thời gian đưa vào sử dụng công trình đã có hiện tượng hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng không đảm bảo an toàn cho việc giảng dạy và học tập của 24 cán bộ giáo viên và 138 học sinh nhà trường                                                                                                                                                                                                                                                                | 25.000       | 25.000                              | 17.500                                         |         |
| 3   | Nhà ở công vụ giáo viên xã Yên Nhân, tỉnh Thanh hoá | UBND xã Yên Nhân   | 136/TTr-UBND ngày 26/5/2026                             | Trên địa bàn xã hiện có 4 trường học, tổng số cán bộ, giáo viên là 91 người, trong đó có tới 55 giáo viên từ các địa phương khác đến công tác (chiếm tỷ lệ lớn, không trú tại địa bàn) phải di chuyển đường dài, cấm bản trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt và có nhu cầu ở nhà công vụ. Hệ thống phòng công vụ bố trí dùng làm nơi ở cho cán bộ, giáo viên các trường hiện tại được xây dựng từ hơn 20 năm trước (phần lớn cải tạo từ các phòng học cũ), đến nay đã hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng.                 | 11.000       | 6.000                               | 5.500                                          |         |

\* **Ghi chú:** TMDT dự kiến của các công trình, dự án được tổng hợp qua kết quả kiểm tra hiện trạng, đề xuất của các địa phương và ý kiến tham gia của các Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở các tiêu chuẩn, định mức hiện hành; các địa phương, đơn vị tổ chức khảo sát, đánh giá, xác định cụ thể về phạm vi, quy mô đầu tư; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, các tiêu chuẩn, định mức hiện hành để xác định TMDT; đảm bảo an toàn, ổn định lâu dài, phù hợp thực tế, tránh dàn trải, lãng phí trong đầu tư, tập trung ưu tiên xử lý dứt điểm các vị trí nguy hiểm, xung yếu nhất; bảo đảm phù hợp với số vốn được hỗ trợ và khả năng cân đối của từng cấp ngân sách. Trường hợp tổng mức đầu tư của các công trình sau khi được phê duyệt cao hơn so với tổng mức đầu tư dự kiến, các địa phương, đơn vị chủ động cân đối nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác để hoàn thành dự án.